|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **----------** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTC |  | **-----------------------------------------------**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**TỜ TRÌNH**

V/v ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ

# ––––––––

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng trong cuộc họp về tình hình nhập khẩu ô tô tại Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 14/3/2017 của Văn phòng Chính phủ, trong đó giao Bộ Tài chính nghiên cứu đánh giá lại mức lệ phí trước bạ (LPTB) đối với xe ô tô bán tải (pick-up) để đề xuất báo cáo Chính phủ kịp thời điều chỉnh cho phù hợp thực tế và mục đích sử dụng của loại xe này; đồng thời trên cơ sở tổng kết, đánh giá hơn 01 năm triển khai thực hiện chính sách thu LPTB, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về LPTB (sau đây gọi tắt là dự án Nghị định).

Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị định như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật phí và lệ phí (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) quy định: Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, trong đó có LPTB.

Thực hiện Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về LPTB, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 (thay thế Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 và Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ).

Đánh giá hơn 01 năm triển khai thực hiện chính sách về LPTB đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

*- Góp phần tăng cường quản lý tài sản, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sở hữu, sử dụng tài sản:*

Theo quy định thì đối tượng chịu LPTB là nhà, đất; tàu thủy; thuyền; tàu bay; ô tô; xe máy; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu thủy; thuyền; tàu bay; ô tô; xe máy. Đối tượng nộp LPTB là các tổ chức, cá nhân khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chịu LPTB với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua việc kê khai LPTB đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc sử dụng các loại tài sản này.

*- Đảm bảo sự rõ ràng, thống nhất trong quá trình thực hiện; góp phần cải cách thủ tục hành chính và thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước:*

Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định cụ thể mức thu LPTB, giá tính LPTB, các trường hợp được miễn LPTB, được ghi nợ LPTB, chế độ khai, thu, nộp LPTB, đảm bảo phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan (Luật phí và lệ phí, Luật đất đai, Bộ Luật dân sự, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật...) và thực tế phát sinh tại các địa phương. Trong đó, quy định giao Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB đối với nhóm tài sản là ô tô, xe máy để áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc đã góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian kê khai LPTB, giảm công việc thu thập, tổng hợp, nghiên cứu ban hành Bảng giá tính LPTB tại địa phương..., từ đó góp phần đạt được mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ[[1]](#footnote-2) và tăng cường công tác quản lý thuế.

Thực hiện Luật phí và lệ phí về việc giao Chính phủ quy định miễn LPTB, Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định các trường hợp được miễn LPTB như đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, đất nông nghiệp do được khai hoang; nhà, đất của doanh nghiệp khoa học công nghệ, của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo; phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch... Các quy định này đã góp phần thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước.

*- Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước:*

Theo quy định tại Luật ngân sách nhà nước thì LPTB là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%. Số thu LPTB giai đoạn 2012-2017 bình quân chiếm khoảng 2% tổng thu NSNN, tương đương 2,8% tổng thu nội địa.

Bên cạnh kết quả đạt được như nêu trên, cần thiết phải nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chính sách LPTB hiện hành. Cụ thể:

- Về giá tính LPTB:

+ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định trường hợp ô tô, xe máy có giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tăng hoặc giảm 20% trở lên so với giá tính LPTB tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành thì Bộ Tài chính điều chỉnh giá tính LPTB đối với tài sản đó. Trong thời gian qua, thực hiện các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế nhập khẩu, giá chuyển nhượng trên thị trường của nhiều dòng xe có xu hướng giảm, nhưng mức giảm chưa đến 20% nên chưa đủ điều kiện để điều chỉnh giá tính LPTB đối với các dòng xe này. Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) đề nghị nghiên cứu điều chỉnh mức biến động để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, cần quy định thời gian Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB bổ sung, điều chỉnh để đảm bảo tính ổn định.

+ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định về giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy còn dẫn đến cách hiểu khác trong thực hiện.

+ Cần quy định giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức trả góp tại Nghị định để nâng cao tính pháp lý.

- Về mức thu LPTB lần đầu đối với xe ô tô:

+ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô khác không phải là ôtô con (bao gồm cả xe pick-up chở hàng và ô tô tải VAN) là 2% (việc xác định xe ô tô con và ô tô khác để xác định mức thu LPTB được căn cứ theo Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT do cơ quan đăng kiểm cấp). Tuy nhiên, hiện nay xe pick-up chở hàng và xe ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống[[2]](#footnote-3) vừa chở người, vừa chở hàng, được áp dụng các hệ thống báo hiệu đường bộ như đối với xe ô tô con, vì vậy cần thiết điều chỉnh mức thu LPTB lần đầu đối với loại xe này để đảm bảo công bằng với xe ô tô con.

+ Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chưa quy định mức thu LPTB đối với ô tô, xe máy đã được miễn LPTB nay đăng ký lại do thay đổi mục đích sử dụng (Ví dụ: Xe ô tô của các doanh nghiệp trong quân đội đăng ký biển số quân đội để phục vụ vào mục đích quốc phòng thì được miễn LPTB, nay chuyển sang đăng ký biển số quân đội phục vụ vào mục đích kinh tế và không thuộc trường hợp được miễn LPTB theo quy định); và chưa quy định mức thu LPTB đối với ô tô, xe máy là tài sản tịch thu nhưng không xác định được quyền sở hữu trước đó được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân.

- Về miễn LPTB: Thực tế thực hiện cho thấy, một số trường hợp (như tài sản đăng ký lại khi cổ phần hóa từ đơn vị sự nghiệp công lập thành sở hữu của công ty cổ phần; tài sản đăng ký lại do chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không thay đổi người có quyền sử dụng đất và không thuộc đối tượng nộp tiền sử dụng đất; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản được thay thế mà phải đăng ký; xe hút chất thải, xe cứu hộ; nhà, đất tái định cư...) cần đưa vào đối tượng miễn LPTB hoặc cần quy định rõ hơn nhằm đảm bảo tính khả thi trong thực hiện, đảm bảo đồng bộ trong chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Về chế độ khai, thu, nộp LPTB: Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn có giá trị của tờ khai, chỉ tiêu tại Tờ khai LPTB, dữ liệu LPTB điện tử... nhằm tạo thuận lợi cho người kê khai, nộp LPTB và trong công tác quản lý thu LPTB.

Như vậy, để khắc phục những bất cập, tồn tại trong chính sách thu LPTB hiện hành; đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chính sách thu LPTB và giữa chính sách thu LPTB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; cũng như đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thì việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1.** Khắc phục bất cập, tồn tại trong chính sách thu LPTB hiện hành; Đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế;

**2.** Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong chính sách thu LPTB và giữa chính sách thu LPTB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

**3.** Đảm bảo chính sách công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

Để thuận lợi trong việc triển khai xây dựng dự án Nghị định đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã có công văn số 5813/BTC-CST ngày 21/5/2018 đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến về việc thực hiện luôn bước xây dựng dự án Nghị định, mà không phải thực hiện bước đề nghị xây dựng dự án Nghị định, vì Nghị định số 140/2016/NĐ-CP là văn bản quy định chi tiết Luật phí và lệ phí nên căn cứ quy định tại Điều 19 và Điều 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP không phải thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng nghị định. Ngày 31/5/2018, Bộ Tư pháp có công văn số 1909/BTP-VĐCXDPL thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 5813/BTC-CST nêu trên.

Ngày 6/8/2018, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1286/QĐ-BTC về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Nghị định. Ngày 14/8/2018, Bộ Tài chính đã tổ chức họp thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập về dự án Nghị định.

**IV. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về giá tính LPTB (Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP)**

***a) Về giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy***

Theo quy định tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì:

- Giá tính LPTB đối với súng săn, súng dùng tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay là giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường. Giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường được căn cứ vào hóa đơn bán hàng hợp pháp đối với tài sản mua bán; hoặc được căn cứ vào trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt, cộng (+) thuế giá trị giá tăng (nếu có) đối với tài sản nhập khẩu (điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP).

- Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy: Về nguyên tắc, là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường và giao Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB để áp dụng thống nhất. Trường hợp giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường thấp hơn giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính LPTB là giá do Bộ Tài chính ban hành (điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP).

Thực tế thực hiện quy định về giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy còn có cách hiểu khác. Để thống nhất cách hiểu, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi về giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP theo hướng làm rõ như sau: Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy là giá tại Bảng giá tính LPTB do Bộ Tài chính ban hành (kể cả trường hợp giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy biến động vượt mức biến động phải điều chỉnh Bảng giá tính LPTB mà Bộ Tài chính chưa kịp điều chỉnh lại Bảng giá thì vẫn áp dụng Bảng giá để tính LPTB). Cụ thể như sau:

***“b) Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định này và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của ô tô, xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định này là giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành theo nguyên tắc giá tính lệ phí trước bạ là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá được xác định theo quy định tại điểm a Khoản này”.***

***b) Về giá tính LPTB đối với tài sản phát sinh chưa có trong Bảng giá tính LPTB và mức biến động giá chuyển nhượng ô tô, xe máy để điều chỉnh Bảng giá tính LPTB***

*b.1) Về giá tính LPTB đối với tài sản phát sinh chưa có trong Bảng giá tính LPTB*

Tại điểm b khoản 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được kế thừa tại dự thảo Nghị định) quy định: *Trường hợp ô tô, xe máy chưa có trong Bảng giá tính LPTB thì giá tính LPTB là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường (giá trên hóa đơn bán hàng hợp pháp đối với tài sản mua bán; hoặc trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt, cộng (+) thuế giá trị giá tăng (nếu có) đối với tài sản nhập khẩu) (theo quy định tại điểm a khoản này).*

Để đảm bảo kịp thời hơn nữa trong xác định giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy phát sinh chưa có trong Bảng giá tính LPTB, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy phát sinh chưa có trong Bảng giá tính LPTB tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“Trường hợp phát sinh* ***loại*** *tài sản mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì* ***Cục trưởng Cục thuế*** *~~Cơ quan Thuế~~* ***quyết định*** *~~áp dụng~~ giá tính lệ phí trước bạ theo nguyên tắc* ***giá tính lệ phí trước bạ tối thiểu là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường theo*** *quy định tại điểm a khoản này để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ”.*

*b.2) Về mức biến động giá chuyển nhượng ô tô, xe máy để điều chỉnh Bảng giá tính LPTB*

Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định: Giá tính LPTB đối với ô tô, xe máy là giá tại Bảng giá do Bộ Tài chính ban hành; trường hợp giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường tăng hoặc giảm 20% trở lên so với giá tính LPTB tại Bảng giá thì Bộ Tài chính điều chỉnh giá tính LPTB đối với tài sản đó (điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP).

Trong thời gian qua, thực hiện cam kết quốc tế về cắt giảm thuế nhập khẩu, giá chuyển nhượng trên thị trường của nhiều dòng xe có xu hướng giảm nhưng ở mức thấp (chưa đến 20%) trong khi đó giá tính LPTB vẫn phải áp dụng theo Bảng giá do chưa đủ điều kiện để điều chỉnh Bảng giá.

Tổng hợp số liệu do Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) cung cấp cho thấy, trong giai đoạn 2015-2017: Đối với ô tô, tùy từng mẫu xe, số lần thay đổi giá từ 1-6 lần; mức biến động giá giảm phổ biến ở mức từ **2-7%**; mức biến động giá tăng phổ biến ở mức từ **2-6%**. Đối với xe máy, số lần thay đổi giá và mức biến động giá chủ yếu là đối với xe lắp ráp trong nước; mức biến động giá tăng phổ biến ở mức từ 1-3%, mức biến động giá giảm không nhiều.

Để phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý thuế, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về mức biến động giá chuyển nhượng ô tô, xe máy **từ 20%** trở lên xuống 10% trở lên so với Bảng giá để điều chỉnh Bảng giá.

***c) Về việc ban hành Bảng giá tính LPTB điều chỉnh, bổ sung***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (được kế thừa tại dự thảo Nghị định) thì trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ thời điểm ô tô, xe máy được đăng ký LPTB, Cơ quan thuế báo cáo Bộ Tài chính để ban hành Bảng giá tính LPTB bổ sung (đối với ô tô, xe máy chưa có trong Bảng giá) hoặc điều chỉnh (đối với ô tô, xe máy có biến động giá vượt mức biến động phải điều chỉnh Bảng giá).

Theo đề xuất sửa đổi nêu trên về mức biến động giá chuyển nhượng ô tô, xe máy từ 20% xuống còn 10% thì tần suất điều chỉnh Bảng giá tính LPTB sẽ tăng lên.

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc ban hành Bảng giá tính LPTB phải theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên thường kéo dài. Điều này gây khó khăn cho người nộp LPTB cũng như cơ quan Thuế trong theo dõi, xác định giá tính LPTB đối với các trường hợp này.

Để đảm bảo Bảng giá tính LPTB được ban hành theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản QPPL; đảm bảo Bảng giá tính LPTB có tính ổn định, thuận tiện cho cơ quan Thuế và người nộp LPTB, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi về việc ban hành Bảng giá tính LPTB bổ sung, điều chỉnh tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *Hàng năm, Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính LPTB bổ sung, điều chỉnh để áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.*

***d) Về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức trả góp***

Tại Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành quy định về giá tính LPTB. Thực tế phát sinh vướng mắc về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức trả góp (nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC và trong quá trình thực hiện không có vướng mắc).

Để nâng cao tính pháp lý của quy định nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung khoản 3 tại Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về giá tính LPTB đối với tài sản mua theo phương thức trả góp như sau:

*“****3. Đối với tài sản mua theo phương thức trả góp***

***Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).”***

Theo đó, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 và bổ sung khoản 3 vào Điều 6 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định về giá tính LPTB đối với tài sản khác như sau:

*“****Điều 6. Giá tính lệ phí trước bạ***

*2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản khác*

*a) Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản* ***quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 Nghị định này và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 Nghị định này*** *là giá chuyển nhượng tài sản ~~thực tế~~ trên thị trường* ***của từng loại tài sản****.*

*Giá chuyển nhượng tài sản ~~thực tế~~ trên thị trường của* ***từng loại tài sản*** *được căn cứ vào hóa đơn bán hàng hợp pháp; giá thành sản phẩm (đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo để tiêu dùng); trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt, cộng (+) thuế giá trị giá tăng (nếu có) (đối với tài sản nhập khẩu,* ***bao gồm cả tài sản đã qua sử dụng****).*

*Riêng đối với tài sản đã qua sử dụng* ***mà không phải là*** *tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu thì giá tính lệ phí trước bạ được xác định căn cứ vào thời gian đã sử dụng và giá trị còn lại của tài sản.*

*b)* ***Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định này và vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của ô tô, xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định này là giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành theo nguyên tắc giá tính lệ phí trước bạ là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá được xác định theo quy định tại điểm a Khoản này.***

*~~Trường hợp giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ là giá do Bộ Tài chính ban hành.~~*

*Trường hợp phát sinh* ***loại*** *tài sản mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành thì* ***Cục trưởng Cục thuế*** *~~Cơ quan Thuế~~* ***quyết định*** *~~áp dụng~~ giá tính lệ phí trước bạ theo nguyên tắc* ***giá tính lệ phí trước bạ tối thiểu là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường theo*** *quy định tại điểm a khoản này để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ.*

*~~Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ thời điểm tài sản được đăng ký trước bạ, Cơ quan Thuế báo cáo Bộ Tài chính để ban hành giá tính lệ phí trước bạ bổ sung.~~*

*Trường hợp* ***phát sinh loại tài sản chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ hoặc tài sản có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ mà*** *giá chuyển nhượng ~~tài sản thực tế~~ trên thị trường ~~có biến động~~ tăng hoặc giảm* ***từ 10%*** *~~20%~~ trở lên so với giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì ~~Bộ Tài chính ban hành giá tính lệ phí trước bạ bổ sung đảm bảo giá tính lệ phí trước bạ sát với giá chuyển nhượng tài sản thực tế trên thị trường~~* ***Cơ quan thuế báo cáo Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ bổ sung, điều chỉnh hàng năm theo quy định để áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.***

***3. Đối với tài sản mua theo phương thức trả góp***

***Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).”***

**2. Về mức thu lệ phí trước bạ (Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP)**

***a) Về mức thu LPTB lần đầu đối với xe tải VAN và xe pick-up chở hàng có khối lượng chuyên chở nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống***

Thực hiện Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 14/3/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về tình hình nhập khẩu ô tô, trong đó giao Bộ Tài chính *nghiên cứu đánh giá lại mức thu LPTB đối với xe ô tô bán tải (pick - up) để đề xuất báo cáo Chính phủ kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp thực tế và mục đích sử dụng của loại xe này,* Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì: mức thu LPTB lần đầu đối với xe pick-up trong khung 10-15% nếu trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT do cơ quan đăng kiểm cấp ghi là ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống (ô tô con) (mức thu cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); mức thu LPTB lần đầu đối với xe pick-up là 2% nếu ghi là loại ô tô khác không phải là ôtô con.

Theo TCVN 7271:2003 và Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003[[3]](#footnote-4) về Phương tiện giao thông đường bộ-ô tô-phân loại theo mục đích sử dụng thì:

- Xe ô tô chở hàng (ô tô tải) gồm các loại xe như: Ô tô tải thông dụng, Ô tô pick-up chở hàng, Ô tô tải Van (ô tô tải thùng kín có khoang chở hàng liền với cabin), Ô tô chở hàng chuyên dùng (ô tô tải chuyên dùng)...

- Xe ô tô pick-up được phân thành 2 loại: (i) Ô tô pick-up chở hàng[[4]](#footnote-5); (ii) Ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con[[5]](#footnote-6).

+ Đối với ô tô pick-up chở người và là xe ô tô con: Trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT đã ghi là ô tô con nên theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP thì mức thu LPTB lần đầu đối với loại xe này trong khung 10-15% (quy định này đã rõ).

+ Ô tô pick-up chở hàng: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP, nếu trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT ghi là loại ô tô khác không phải là ôtô con (ô tô pick-up chở hàng không phải là ô tô con) thì mức thu LPTB lần đầu là 2%.

- Theo về quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2016/BGTVT[[6]](#footnote-7) thì:

+ Phương tiện được xác định là xe ô tô con để được áp dụng hệ thống báo hiệu đường bộ của xe ô tô con khi tham gia giao thông gồm: (i) Xe ô tô chở người không quá 9 chỗ ngồi kể cả lái xe; (ii) Xe ô tô chở hàng với khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg (trong đó có xe tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg).

+ Phương tiện được áp dụng hệ thống báo hiệu đường bộ như xe ô tô con khi tham gia giao thông là xe pick-up có khối lượng chuyên chở nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống.

Như vậy, loại xe ô tô nêu trên khi tham gia giao thông được áp dụng các hệ thống báo hiệu đường bộ như ôtô con, không bị hạn chế về thời gian được phép lưu thông trong đô thị, được phép lưu thông vào làn đường dành cho ôtô con[[7]](#footnote-8)*.*

Thực tế, trong giai đoạn vừa qua (2012-2017) số lượng xe pick-up, gồm cả xe pick-up chở hàng và xe pick-up chở người (nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp trong nước) tăng theo từng năm, đặc biệt tốc độ tăng trưởng nhập khẩu nhanh (xe pick-up nhập khẩu năm 2017 là 28.482 chiếc, tăng 8,7 lần). Riêng số lượng xe pickup chở hàng có khối lượng chuyên chở nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống (nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp trong nước) giai đoạn 2012-2017 như sau: năm 2012 là 3.305 chiếc, năm 2013 là 6.902 chiếc, năm 2014 là 10.961 chiếc, năm 2015 là 20.132 chiếc, năm 2016 là 28.091 chiếc, năm 2017 là 28.911 chiếc; bình quân khoảng 16.383 chiếc, chiếm khoảng 99,8% số lượng xe pick-up[[8]](#footnote-9).

Thực tế, xe ô tô pick-up chở hàng và ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống được sử dụng kết hợp vừa chở người, vừa chở hàng; các xe ô tô tải khác chủ yếu sử dụng để chở hàng.

Để đảm bảo công bằng về mức thu LPTB lần đầu đối với xe ô tô con; trên cơ sở nghiên cứu quy định của pháp luật có liên quan nêu trên, tiếp thu ý kiến của BST và TBT, Bộ Tài chính đề xuất quy định mức thu LPTB lần đầu đối với xe ô tô pick-up chở hàng và ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép dưới 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống như sau: Mức thu LPTB lần đầu bằng 60% mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô con (trong khung 10-15%). Mức thu LPTB lần thứ 2 trở đi là 2% (nội dung này bổ sung tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về mức thu LPTB đối với ô tô).

***b) Về mức thu LPTB đối với ô tô, xe máy đã được miễn LPTB nay đăng ký lại do chuyển quyền sở hữu hoặc thay đổi mục đích sử dụng; ô tô, xe máy là tài sản tịch thu được chuyển nhượng***

Thực tế thực hiện đã phát sinh các trường hợp sau:

- Ô tô, xe máy mang biển số ngoại giao, biển số nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc diện miễn LPTB theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (hoặc thuộc đối tượng không phải nộp LPTB theo quy định của pháp luật về LPTB trước đây) chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam (các tổ chức, cá nhân này vẫn thuộc đối tượng phải nộp LPTB theo quy định). Để bao quát hết các trường hợp, theo thẩm quyền đã giao tại Nghị định, tại Thông tư số 301/2016/TT-BTC đã quy định các tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải nộp LPTB với mức thu lần đầu.

- Ô tô, xe máy là tài sản tịch thu không có nguồn gốc, không xác định được đã đăng ký sở hữu như phương tiện nhập lậu thì cần quy định người nhận chuyển nhượng tài sản tịch thu nộp LPTB với mức thu lần đầu khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy.

Do vậy, để phù hợp với thực tế, đồng thời nâng cao tính pháp lý của quy định nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung khoản 7 và khoản 8 tại Điều 7 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định như sau:

***“7. Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu*”.**

***“8. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng tài sản tịch thu là ô tô, xe máy theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy tịch thu có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần thứ 2 trở đi.***

***Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng tài sản tịch thu là ô tô, xe máy theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy tịch thu không có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu”.***

**3. Về miễn LPTB (Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP)**

***a) Về miễn LPTB đối với đất được giao hoặc cho thuê để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP)***

Tại điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với: Đất được giao hoặc cho thuê để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng. Các trường hợp này khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cho thuê hoặc tự sử dụng thì tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất phải nộp LPTB. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc xây dựng nhà để chuyển nhượng thì được miễn nộp LPTB (việc thực hiện miễn nộp LPTB chỉ trong trường hợp người tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản). Tuy nhiên, tại điểm này cũng quy định: Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng kết cấu hạ tầng, nhà khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp LPTB.

Như vậy, nội dung quy định nêu trên là chưa thống nhất. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định *“Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng kết cấu hạ tầng, nhà khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp LPTB”* tại điểm c khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP nêu trên.

***b) Về giá tính LPTB đối với nhà, đất tái định cư***

Tại Điều 83 và 86 Luật đất đai năm 2013 quy định: *Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ, trong đó có hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở. Trường hợp người có đất thu hồi được bố trí tái định cư mà tiền bồi thường, hỗ trợ không đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu.*

Tại khoản 15 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với: *“Nhà, đất được bồi thường (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật”*.

Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 301/2016/TT-BTC quy định: Giá tính LPTB đối với giá nhà, đất tái định cư là giá nhà, đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đã được cân đối bù trừ giữa giá đền bù nơi bị thu hồi nhà, đất và giá nhà, đất nơi tái định cư. Như vậy, mức thu LPTB đối với nhà, đất tái định cư chỉ tính trên phần chênh lệch giữa giá trị nhà, đất nơi tái định cư và giá trị đền bù nhà, đất nơi bị thu hồi.

Do đó, để đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và pháp luật LPTB về miễn LPTB đối với trường hợp nhà, đất được bồi thường; tiếp thu ý kiến của thành viên BST và TBT, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định miễn LPTB đối với trường hợp nhà, đất tái định cư tại khoản 15 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“Nhà, đất được bồi thường,* ***tái định cư*** *(kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật”*.

***c) Về miễn LPTB đối với tài sản đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng (Sửa đổi khoản 16 Điều 9)***

Khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với một số trường hợp khi đăng ký lại tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng trước đó.

Thực tiễn thực hiện đã phát sinh một số trường hợp khác khi đăng ký lại tài sản cần được quy định cụ thể:

*c.1) Trường hợp đăng ký lại tài sản do thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập*

Tại điểm b khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP *(thay thế Nghị định số 45/2011/NĐ-CP)* chỉ quy định miễn LPTB đối với trường hợp tài sản của doanh nghiệp nhà nước đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đăng ký lại quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản khi cổ phần hóa thành sở hữu công ty cổ phần hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 45/2011/NĐ-CP trước đây quy định miễn LPTB đối với *“các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định”.* Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 45/2011/NĐ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, trong đó quy định: *“Được miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thành sở hữu công ty cổ phần”*.

Để đảm bảo tính đồng bộ về ưu đãi LPTB, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung miễn LPTB trường hợp tài sản đăng ký lại do chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập thành sở hữu của công ty cổ phần (sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 16 Điều 9) như sau: *“16. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây: ... b) Tài sản của doanh nghiệp nhà nước,* ***đơn vị sự nghiệp công lập*** *được cổ phần hóa thành sở hữu công ty cổ phần hoặc các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước,* ***đơn vị sự nghiệp*** *khác theo quy định của pháp luật”.*

*c.2) Về miễn LPTB đối với tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại*

Tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với: *“c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại”*.

Tại điểm c khoản 16 Điều 5 Thông tư số 301/TT-BTC quy định: *“Thành viên hộ gia đình phải là người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và cùng hộ khẩu thường trú với người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng”.*

Theo pháp luật về dân sự (Điều 212, 219 và 221 Bộ Luật dân sự năm 2015) thì quyền sở hữu tài sản được xác lập theo hình thức: Chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận (như thỏa thuận phân chia tài sản), hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (như phân chia tài sản theo quyết định ly hôn của tòa án); Thừa kế; Trường hợp khác. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung (gồm có phân chia tài sản) của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp tài sản chung của các thành viên gia đình có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung.

Như vậy, theo pháp luật về dân sự thì tài sản chung của thành viên hộ gia đình được phân chia theo hình thức: Phân chia theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Phân chia theo thỏa thuận dân sự theo quy định của pháp luật.

Để tránh vướng mắc trong thực hiện về xác định về các trường hợp được xác định là “phân chia tài sản theo” tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP, phù hợp với pháp luật về dân sự; Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định về miễn LPTB khi đăng ký lại tài sản do phân chia cho các thành viên hộ gia đình tại điểm c khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“c) Tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng của hộ gia đình khi phân chia tài sản đó* ***theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận theo quy định của pháp luật về dân sự*** *cho các thành viên hộ gia đình đăng ký lại”*.

*c.3) Về miễn LPTB khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng (bỏ điểm e khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP):*

Tại điểm e khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do giấy chứng nhận bị mất, rách, nát, ố, nhòe, hư hỏng.

Hiện nay, chỉ tài sản là đất đai thì người sử dụng đất được ghi nợ nghĩa vụ tài chính với nhà nước trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thông tin về người sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận, bao gồm cả thông tin về nợ nghĩa vụ tài chính được cơ quan tài nguyên môi trường lưu trữ, theo dõi. Do đó, để đơn giản thủ tục hành chính, Bộ Tài chính đề xuất bỏ quy định tại điểm e khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP nêu trên.

*c.4) Trường hợp đăng ký lại tài sản do chuyển mục đích sử dụng đất mà không thay đổi người sử dụng đất và không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất*

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Người đang sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất khi được Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) sang đất ở.

Tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định: Hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (không phải là đất ở) có nguồn gốc là đất ở sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân.

Vì vậy, để phù hợp với pháp luật về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định miễn LPTB tại khoản 16 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP (bổ sung điểm f) đối với trường hợp đăng ký lại tài sản do chuyển mục đích sử dụng đất mà không thay đổi người sử dụng đất và không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất.

***d) Về miễn LPTB đối với xe chuyên dùng (Sửa đổi khoản 21 Điều 9)***

Tại khoản 21 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với xe hút hầm cầu; chưa quy định miễn LPTB đối với xe hút chất thải; miễn LPTB đối với xe cứu hộ (bao gồm cả xe kéo xe, xe chở xe).

Hiện hành, TCVN 7271:2003[[9]](#footnote-10) về phương tiện giao thông đường bộ - ô tô - phân loại theo mục đích sử dụng quy định các loại xe ô tô chuyên dùng có xe hút chất thải, không có xe hút hầm cầu. TCVN 7271:2003 quy định xe ô tô chuyên dùng là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt; trong đó ô tô hút chất thải là xe chuyên dùng có trang bị để hút và xả bùn, chất thải dạng lỏng khác..., có xi téc chứa bùn, chất thải. Như vậy, chức năng của xe hút chất thải bao gồm cả chức năng của xe hút hầm cầu. Thực tế, căn cứ TCVN, cơ quan Đăng kiểm tại địa phương ghi “Loại phương tiện” trên Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và BVMT là xe hút chất thải.

TCVN 7271:2003 không có phân loại xe cứu hộ, chỉ có phân loại xe chở xe. Do vậy, cơ quan đăng kiểm căn cứ TCVN chỉ xác nhận là xe chở xe. Thực tế, nhiều xe chở xe không thực hiện chức năng cứu hộ, chỉ thực hiện chức năng chuyên chở xe ô tô của các doanh nghiệp.

Để khả thi trong thực hiện; thuận tiện cho Cơ quan thuế khi xác định đối tượng được miễn LPTB; phù hợp với chức năng, quyền hạn của cơ quan giao thông vận tải[[10]](#footnote-11), Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định miễn LPTB đối với xe hút chất thải và bỏ quy định miễn LPTB đối với xe hút hầm cầu và giao cơ quan giao thông vận tải (cơ quan đăng kiểm) xác định xe chở xe là xe cứu hộ tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT tại khoản 21 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“21. Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe chiếu chụp X-quang, xe cứu hộ (bao gồm cả xe kéo xe, xe chở xe); xe chở rác, xe phun nước, xe tưới nước, xe xi téc phun nước, xe quét đường, ~~xe hút hầm cầu~~, xe hút bụi,* ***xe hút chất thải****; xe chuyên dùng cho thương binh, bệnh binh, người tàn tật đăng ký quyền sở hữu tên thương binh, bệnh binh, người tàn tật.*

***Xe chở xe là xe cứu hộ tại khoản này được ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp”.***

***e) Về miễn LPTB vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản (Sửa đổi khoản 23 Điều 9)***

Tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định đối tượng chịu LPTB như sau: *“8. Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tài sản quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*.

Tuy nhiên, tại khoản 23 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP chỉ quy định miễn LPTB đối với tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản, mà không quy định miễn LPTB đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Để đảm bảo tính đồng bộ của chính sách, đồng thời để thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động khai thác, đánh bắt thủy, hải sản, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định miễn LPTB đối với tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại khoản 23 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“23. Tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản và* ***vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy của tàu, thuyền đánh bắt thủy, hải sản được thay thế mà phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền”***.

***f) Về miễn LPTB đối với nhà xưởng của cơ sở sản xuất kinh doanh (sửa đổi khoản 25 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP)***

Tại khoản 25 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định miễn LPTB đối với: *“Nhà xưởng của cơ sở sản xuất; nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của cơ sở sản xuất, kinh doanh”*.

Tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư và Phụ lục ban hành kèm theo đã quy định và mô tả cụ thể về phân cấp công trình xây dựng; trong đó có công trình, nhà máy của các lĩnh vực như: công trình công nghiệp (nhà máy sản xuất sản phẩm cấu kiện bê tông, nhà máy sản xuất gạch ốp lát, nhà máy luyện kim, kho xăng dầu, nhà máy sản xuất hóa chất…); công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (chuồng trại, nhà kính ươm cây giống…). Đây cũng là một trong những căn cứ pháp lý để UBND các địa phương ban hành Bảng giá tính LPTB đối với nhà, trong đó có kho, nhà xưởng.

Do đó, để tránh vướng mắc về cơ sở xác định nhà xưởng thuộc diện được miễn LPTB, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định về miễn LPTB đối với nhà xưởng tại khoản 25 Điều 9 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP như sau: *“Nhà xưởng của cơ sở sản xuất; nhà kho, nhà ăn, nhà để xe của cơ sở sản xuất, kinh doanh.* ***Nhà xưởng theo quy định tại khoản này được xác định theo pháp luật về phân cấp công trình xây dựng****”.*

**4. Về khai, thu, nộp LPTB (Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP và Tờ khai LPTB - Mẫu số 02)**

***a) Về thời hạn có giá trị của Tờ khai LPTB, thời hạn nộp LPTB***

*a.1) Về thời hạn có giá trị của Tờ khai LPTB*

Tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định về khai, thu, nộp LPTB đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB (trừ nhà, đất) không quy định thời hạn có giá trị của Tờ khai LPTB.

Thực tế theo dõi khai, nộp LPTB cho thấy, đối với trường hợp người nộp LPTB đã khai Tờ khai LPTB nhưng không có nhu cầu đăng ký ô tô, xe máy nên không nộp tiền LPTB và tạo thành khoản nợ thuế trên hệ thống của cơ quan thuế, tuy nhiên khoản nợ này thực tế là nợ ảo và sẽ làm tăng theo dõi nợ của cơ quan thuế.

Do đó, để tạo thuận lợi trong khai, nộp LPTB, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung tại điểm d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định về thời hạn có giá trị của Tờ khai LPTB là 30 ngày kể từ ngày nộp Tờ khai LPTB.

*a.2) Về thời hạn nộp LPTB*

Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về thời hạn nộp LPTB là bỏ chữ “làm việc” sau chữ “30 ngày” (Được sự cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 3088/BTC-CST ngày 8/3/2017 gửi UBND các tỉnh, thành phố đính chính quy định này tại Nghị định số 140/2016/NĐ-CP).

***b) Về quy định lập và cấp chứng từ thu LPTB***

Tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP về quy định lập và cấp chứng từ thu LPTB chưa quy định về hình thức thu/nộp LPTB qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Để phù hợp với thực tế về các hình thức thu/nộp LPTB, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán vào quy định lập và cấp chứng từ thu LPTB. Theo đó, khoản 5 Điều 10 Nghị định 140/2016/NĐ-CP được bổ sung như sau: *“5. Việc lập và cấp chứng từ thu lệ phí trước bạ thực hiện theo quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp lệ phí trước bạ qua ngân hàng* ***hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*** *bằng phương thức điện tử thì chứng từ nộp lệ phí trước bạ điện tử được ngân hàng* ***hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*** *truyền về Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để ký số cung cấp cho các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền đã kết nối thông tin với cơ quan thuế. Chứng từ điện tử được ký số là căn cứ để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký tài sản và tổ chức, cá nhân không phải cung cấp chứng từ giấy”.*

***c) Về trao đổi dữ liệu LPTB điện tử***

Tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định khai, thu, nộp LPTB chưa quy định cụ thể về việc trao đổi dữ liệu LPTB điện tử giữa cơ quan Thuế và cơ quan Công an khi thực hiện khai, thu, nộp LPTB bằng phương thức điện tử.

Để phù hợp với thực tế công tác quản lý, thuận lợi trong việc trao đổi dữ liệu LPTB điện tử giữa cơ quan Thuế và cơ quan Công an, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung một khoản (khoản 7) tại Điều 10 Nghị định số 140/2016/NĐ-CP quy định về trao đổi dữ liệu LPTB điện tử trao đổi giữa cơ quan Công an và cơ quan Thuế như sau: ***“Cơ quan Thuế và cơ quan Công an có trách nhiệm trao đổi dữ liệu lệ phí trước bạ điện tử để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký tài sản. Dữ liệu lệ phí trước bạ điện tử bao gồm: Mã hồ sơ; Mã số thuế (nếu có); Tên người nộp thuế; Địa chỉ; Số điện thoại; Loại xe; Nhãn hiệu; Số loại/Tên thương mại và mã kiểu loại; Số máy; Số khung; Thể tích làm việc hoặc Công suất động cơ điện hoặc Trọng tải; Số người cho phép chở (kể cả lái xe); Nước sản xuất; Năm sản xuất; Biển kiểm soát, số đăng ký (đối với xe đã đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng); Ngày nộp tiền; Giá trị tài sản theo hoá đơn hoặc các chứng từ hợp lệ khác; Giá trị tài sản tính lệ phí trước bạ; Mức thu lệ phí trước bạ; Số tiền lệ phí trước bạ đã nộp”****.*

***d) Về Tờ khai LPTB - Mẫu số 02 (áp dụng đối với tài sản thuộc đối tượng chịu LPTB, trừ nhà, đất)***

- Bổ sung chỉ tiêu số mã hồ sơ/ số thông báo và số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT tại Mẫu Tờ khai LPTB:

Để thực hiện khai, thu nộp điện tử LPTB cần mã hóa hồ sơ khai LPTB để chuyển thực hiện quản lý thuế từ phương thức thủ công sang hiện đại, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung tại Mẫu Tờ khai LPTB chỉ tiêu mã hồ sơ/ số thông báo, số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT do Cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp (đối với ô tô).

- Bổ sung chỉ tiêu Mã kiểu loại xe ô tô tại Mẫu Tờ khai LPTB:

Đối với xe ô tô, tại Mẫu Tờ khai LPTB (Mẫu số 02) có chỉ tiêu Số loại hoặc Tên thương mại; không có chỉ tiêu Mã kiểu loại.

Hiện nay, trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT do Cơ quan đăng kiểm cấp có 02 loại mẫu chứng nhận kiểu loại đối với riêng xe sản xuất lắp ráp và xe nhập khẩu. Đối với xe sản xuất lắp ráp, kiểu loại xe được thể hiện ở chỉ tiêu “Số loại”; đối với xe nhập khẩu, kiểu loại xe được thể hiện ở chỉ tiêu “Tên thương mại” và “Mã kiểu loại” (có loại xe chi tiết “Tên thương mại” nhưng có loại xe chi tiết thêm “Mã kiểu loại”). “Số loại” và “Mã kiểu loại” đều có tên tiếng Anh là “Model code”. Mã kiểu loại có ý nghĩa trong xác định tiêu chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng của xe. Xe có cùng Tên thương mại nhưng giá thành hoặc giá bán của các dòng xe có cùng Tên thương mại là khác nhau do Mã kiểu loại khác nhau.

Hiện nay, Bảng giá tính LPTB không chi tiết Mã kiểu loại xe. Điều này vừa gây khó khăn cho cơ quan thuế, vừa tác động đến người đăng ký xe (do bị áp giá tính LPTB tương ứng với Tên thương mại mà không theo Mã kiểu loại; nếu áp giá tính LPTB theo Mã kiểu loại thì có trường hợp giá tính LPTB sẽ thấp hơn).

Do đó, để phù hợp với thực tế và pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung chỉ tiêu Mã kiểu loại tại Tờ khai LPTB.

**5. Hiệu lực thi hành**

Đề nghị hiệu lực thi hành của Nghị định là 45 ngày kể từ ngày ký.

**V. BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định được thiết kế gồm 2 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về LPTB.

- Điều 2: Hiệu lực thi hành.

**VI. Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**...**

**VII. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

**...**

Trên đây là nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ. Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định; Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Vụ Pháp chế;  - Tổng cục Thuế;  - Lưu: VT, CST (P4). | BỘ TRƯỞNGĐinh Tiến Dũng |

1. Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan: *“Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt 95% trong nộp tờ khai, nộp thuế, hoàn thuế”.* [↑](#footnote-ref-2)
2. Theo TCVN 7271:2003 về Phương tiện giao thông đường bộ - ô tô - phân loại thì Ô tô chở hàng (ô tô tải) được phân thành các loại xe theo tiêu chuẩn khác nhau, gồm: Ô tô tải thông dụng, ô tô tải tự đổ, ô tô tải VAN, ô tô pick-up chở hàng, ô tô tải chuyên dùng, ô tô tải có cần cẩu, ô tô tải đông lạnh... [↑](#footnote-ref-3)
3. Tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 được ban hành kèm Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ trưởng Bộ KHCN. Theo TCVN 7271:2003, ô tô được phân thành 3 nhóm, gồm: (i) Ô tô chở người (ô tô con, ô tô khách, ô tô chở người chuyên dùng...); (ii) Ô tô chở hàng - ô tô tải (ô tô tải thông dụng, ô tô tải tự đổ, ô tô tải VAN, ô tô pick-up chở hàng...); (iii) Ô tô chuyên dùng các loại. [↑](#footnote-ref-4)
4. Ô tô pick-up chở hàng, có đặc điểm: (i) Thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng kín, có thể liền hoặc không liền thân với ca bin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng; (ii) Thùng hàng không có trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ chở người; (iii) Diện tích hữu ích của sàn thùng hàng (Fh) không nhỏ hơn 1m2; (iv) Tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh) phải lớn hơn tổng khối lượng của số người cho phép chở (mng) được tính theo tỷ lệ sau: mng = 65 kg/người x số chỗ ngồi; (v) Trong ca bin có bố trí một hàng ghế (đối với pickup chở hàng cabin đơn), hoặc trong ca bin có bố trí hai hàng ghế, có số chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi của người lái không lớn hơn 5 (đối với pickup chở hàng cabin kép). [↑](#footnote-ref-5)
5. Ô tô pick-up chở người có ít nhất một đặc điểm khác với ô tô pick-up chở hàng, cụ thể như: (i) Ô tô pick-up chở người khi có tổng khối lượng của số người cho phép chở (mng) lớn hơn tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh); (ii) Ô tô pick-up chở người khi có thùng hàng được trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ người. [↑](#footnote-ref-6)
6. Được ban hành kèm Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ Giao thông Vận tải. [↑](#footnote-ref-7)
7. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2016/BGTVT (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ GTVT) thì quy định này là để phù hợp với Công ước giao thông đường bộ năm 1968 và Công ước biển báo và tín hiệu đường bộ năm 1968 (Việt Nam là thành viên chính thức từ ngày 20/8/2014). [↑](#footnote-ref-8)
8. Số liệu do Bộ Giao thông vận tải cung cấp. [↑](#footnote-ref-9)
9. Được ban hành kèm theo Quyết định số 26/2003/QĐ-BKHCN ngày 16/9/2003 của Bộ trưởng Bộ KHCN. [↑](#footnote-ref-10)
10. Tại Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-11)